

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐIỆN BIÊN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 22/2019/HNGĐ-ST

Ngày 12-6-2019

"V/v: Ly hôn, tranh chấp con chung
khi ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông: Lò Văn Ôn

Bà: Lương Thị Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Châm, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Điện Biên tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên tham gia phiên tòa:
Ông Đỗ Thành Đạt, Kiểm sát viên.

Trong ngày 12/6/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2018 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 03/5/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2019/QĐST - DS ngày 20/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Quàng Thị U- Sinh năm 1991

Trú tại: Bản Na Phát T, xã Na S, huyện Đ B Đ, tỉnh Điện Biên, có mặt.

2. Bị đơn: Anh Quàng Văn Th- sinh năm 1991

Trú tại: Bản Co M, xã Sam M, huyện Đ B, tỉnh Đ B, vắng mặt lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 13/12/2018, bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Quàng Thị U trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Quàng Văn Th lấy nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 09/5/2011 tại Ủy ban nhân dân xã Sam M, huyện Điện Biên. Hôn nhân là tự nguyện không ai bị lừa dối, ép buộc. Quá trình chung sống hạnh phúc đến tháng 8/2016 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng, vợ chồng thường xuyên cãi vã không tìm được tiếng nói chung. Mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng mâu thuẫn không giải quyết được mà ngày càng

trầm trọng. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 08 năm 2016. Từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Xét thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Th

Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống anh chị có 01 con chung là cháu Quàng Thị Ngọc T sinh ngày 17/4/2011, hiện cháu đang ở với bà Quàng Thị X và anh Th. Quan điểm khi ly hôn chị xin được nuôi cháu, chị có đủ khả năng chăm sóc và nuôi dưỡng cháu T và không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

Về quan hệ tài sản: Tài sản riêng, nợ phải trả nợ lấy về, đất nông nghiệp: Không có. Tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý vụ án số 18/TB - TLVA ngày 13/12/2018 về nơi cư trú của anh Th song không có người nhận. Theo biên bản xác minh nơi cư trú ngày 24/12/2018, thì anh Th có đăng ký thường trú tại Bản Co M, xã Sam M, huyện Đ B song do công việc làm ăn không thường xuyên có mặt ở nhà, thời gian trở về nhà bất thường, địa phương không nắm được thời gian đi và về của anh Th. Tòa án đã tiến hành tổng đạt trực tiếp cho bà Quàng Thị X là mẹ đẻ anh Th song bà từ chối nhận, Tòa án đã lập biên bản về việc người được tổng đạt từ chối nhận văn bản tố tụng ngày 24/12/2018 và tiến hành niêm yết công khai Thông báo thụ lý vụ án ngày 24/12/2018 tại nơi cư trú, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên và tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Sam M. Hết thời hạn niêm yết công khai theo quy định tại điều 179 Bộ luật Tố tụng Dân sự anh Th vẫn không có mặt gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị Quàng Thị U. Ngày 31/01/2019, Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải giữa các đương sự và đã tiến hành niêm yết công khai thông báo này tại nơi cư trú của anh Th, tại Ủy ban nhân dân xã Sam M và tại trụ sở Tòa án song anh Th vẫn không có mặt tại phiên họp và hòa giải. Tòa án đã tiến hành phiên họp công khai chứng cứ và đã lập biên bản về sự vắng mặt của anh Th tại phiên họp và không tiến hành hòa giải theo luật định, chị U cũng đề nghị Tòa án không mở phiên hòa giải lần thứ 2 nữa mà tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Ngày 20/5/2019 Tòa án nhân dân huyện Điện Biên mở phiên tòa xét xử theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 03/5/2019 và niêm yết công khai theo quy định của pháp luật, chị U vắng mặt có lý do, anh Th vắng mặt lần thứ nhất không có lý do. Tòa án đã hoãn phiên tòa theo luật định.

Tại phiên tòa chị U vẫn giữ nguyên quan điểm như trong đơn khởi kiện, bản tự khai, anh Th vắng mặt lần 2 không có lý do.

Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật: Về thẩm quyền và trình tự thủ tục Thẩm phán, thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật Tố tụng Dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân chấp nhận cho chị Quàng Thị U được ly hôn với anh Quàng Văn Th theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Về con chung: Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình: Chấp nhận việc giao cháu Quàng Thị Ngọc T sinh ngày 17/4/2011 cho chị Quàng Thị U chăm sóc nuôi dưỡng đến khi thành niên, anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí: Căn cứ Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu,

miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Đề nghị miễn án phí DSST cho chị Quàng Thị U. Về kiến nghị: Không

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Căn cứ nội dung đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo và địa chỉ của các đương sự, Tòa án xác định đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố Tụng dân sự.

[2]. Về pháp luật áp dụng để giải quyết vụ án: Chị Quàng Thị U và anh Quàng Văn Th kết hôn ngày 09/5/2011 vì vậy Tòa án sẽ áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để giải quyết

[3] Về việc hoãn phiên tòa: Ngày 20/5/2019 Tòa án nhân dân huyện Điện B đã tiến hành mở phiên tòa xét xử vụ án song Nguyên đơn vắng mặt có lý do, bị đơn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Khoản 1 Điều 227, Điều 233, Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX quyết định hoãn phiên tòa.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị U và anh Th lấy nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 09/5/2011 tại Ủy ban nhân dân xã Sam M, huyện Điện Biên. Hôn nhân là tự nguyện, không ai bị ép buộc hoặc lừa dối và có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống được một thời gian do tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải song không có kết quả, chị U đã bỏ về nhà mẹ đẻ sống ly thân, từ đó không ai quan tâm đến ai, không có quan hệ sinh lý và tình cảm gì.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành các biện pháp xác minh nơi cư trú, tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho mẹ đẻ anh Th song bà Quàng Thị X không nhận. Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp và hòa giải cho anh Th song anh Th vẫn không có mặt tại Tòa án để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của đương sự theo Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự mặc dù anh Th phải đi làm ăn song vẫn trở về nhà mặc dù thời gian trở về mặt ở nhà không cố định, anh Th phải biết việc vụ án đang được giải quyết và đã báo cho anh để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Anh Th đã không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị U thể hiện trong đơn khởi kiện, vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, đã thể hiện ý thức không chấp hành pháp luật, vi phạm các quyền và nghĩa vụ của đương sự theo điều 70 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Anh Th đã tự từ bỏ các các quyền và nghĩa vụ của mình. Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo Điều 207 Bộ Luật Tố tụng dân sự. Theo biên bản xác minh tình trạng hôn nhân ngày 11/01/2019 (BL 41) thể hiện về nguyên nhân mâu thuẫn đôi không nắm được nhưng biết được tình trạng hôn nhân: chị U đã ly thân với Anh Th từ năm 2016 cho đến nay, không sinh sống cùng gia đình anh Th nữa

HĐXX xét thấy: Mặc dù anh Th không có mặt tại Tòa án để thể hiện ý kiến quan điểm của mình về quan hệ hôn nhân, song qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ

sơ vụ án, qua quá trình Tòa án thu thập chứng cứ xác minh tình trạng hôn nhân, đủ cơ sở khẳng định từ năm 2016 sau khi có mâu thuẫn xảy ra, chị U thấy cuộc sống hôn nhân mâu thuẫn không có hạnh phúc nên đã về nhà mẹ đẻ sống ly thân với anh Th từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai nữa. Mục đích hôn nhân là vợ chồng gần gũi, thương yêu chăm sóc, quý trọng giúp đỡ lẫn nhau không có, quan hệ hôn nhân đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị U xin ly hôn với anh Th cần được chấp nhận theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

{5} Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Quàng Thị Ngọc T sinh ngày 17/4/2011, quan điểm chị U xin ly hôn xin được nuôi cháu đến tuổi thành niên và không yêu cầu anh Th cấp dưỡng. Về điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng chị làm ruộng ngoài ra đi làm thuê có đủ điều kiện để chăm sóc và nuôi dưỡng cháu thể hiện tại văn bản ngày 30/1/2019 có xác nhận của chính quyền địa phương về nghề nghiệp và thu nhập của chị Quàng Thị U khoảng 5.500.000 đồng/tháng. Quá trình giải quyết vụ án, cháu T đã có bản tự khai xin được ở với bố và bà khi bố mẹ ly hôn, hiện cháu đang học tại trường Tiểu học Yên C.

HĐXX xét thấy: Qua quá trình giải quyết vụ án, anh Th đã không lên Tòa án thể hiện quan điểm của mình nên Tòa án không có căn cứ để xem xét điều kiện, khả năng nuôi dưỡng chăm sóc và nguyện vọng của anh Th về việc nuôi cháu T. Qua xác minh cho thấy do công việc làm ăn của anh Th thường xuyên vắng nhà, mọi việc chăm sóc nuôi dưỡng, học hành của cháu Quàng Thị Th T do bà nội cháu là bà Quàng Thị X chăm sóc nên nếu giao cháu Tiên cho bà Quàng Thị X và anh Th sẽ không đảm bảo các điều kiện về nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục và các điều kiện phát triển mọi mặt cho cháu, không đúng quy định của pháp luật. Mặc dù cháu T có nguyện vọng xin được ở với bà và bố song HĐXX căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của cháu Tiên, nguyện vọng và khả năng chăm sóc nuôi dưỡng của chị U, căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Quyết định chấp nhận ý kiến của chị Úi giao cháu Quàng Thị Ngọc T sinh ngày 17/4/2011 cho chị U chăm sóc nuôi dưỡng đến khi thành niên, chấp nhận sự tự nguyện không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con.

{6}Về án phí: Chị Quàng Thị U là người dân tộc thiểu số cư trú tại các xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn theo Quyết định 582/QĐ -TTG ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính Phủ và có đơn xin miễn án phí. HĐXX căn cứ Điều 1 khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Quàng Thị U được miễn án phí DSST.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ Luật Tổ tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 1 Điều 56, khoản 1, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho Nguyên đơn chị Quàng Thị U được ly hôn với bị đơn anh Quàng Văn Th.

2. Về con chung: Giao cháu Quàng Thị Ngọc T sinh ngày 17/4/2011 cho chị Quàng Thị U trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi thành niên. Anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về quan hệ tài sản:

3.1. Tài sản riêng, nợ phải trả nợ lấy về, đất nông nghiệp: Không có.

3.2. Tài sản chung: Chị U không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí DSST: Căn cứ Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Quàng Thị U được miễn án phí DSST

5. Về quyền kháng cáo: Chị Quàng Thị U được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, ngày 12/6/2019; Anh Quàng Văn Th được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Điện Biên;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Điện Biên;
- Chi cục THADS huyện Điện Biên;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã Sam M, huyện ĐB;
- Lưu HS, DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Đình Hà

